CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng

Ngày 30/09/2024	6,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**3.3%**	**12.3%**

DT thuần
Q3/24
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00| -1.4%
YoY: ▼4.00| -3.1%

LN thuần
Q3/24
-0.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.77| -107%
YoY: ▲ 0.81| 76.6%

LN sau thuế
Q3/24
-0.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.64| -105%
YoY: ▲ 0.79| 74.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
0.8%
YoY: +/-▼ 4.8%

ROE (TTM)
Q3/24
5.6%
YoY: +/-▲ 0.3%

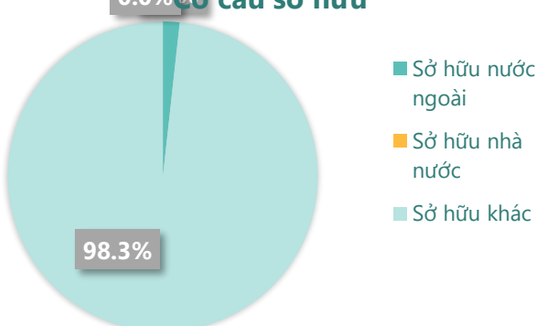
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 6,790
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
Số lượng CPLH (CP)	22,516,956
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,730
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.32
EPS	720
P/E	8.6

DT thuần
9T 2024
318
tỷ VNĐ
YoY: ▼81.0| -20.3%

LN thuần
9T 2024
4.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.5| 111%

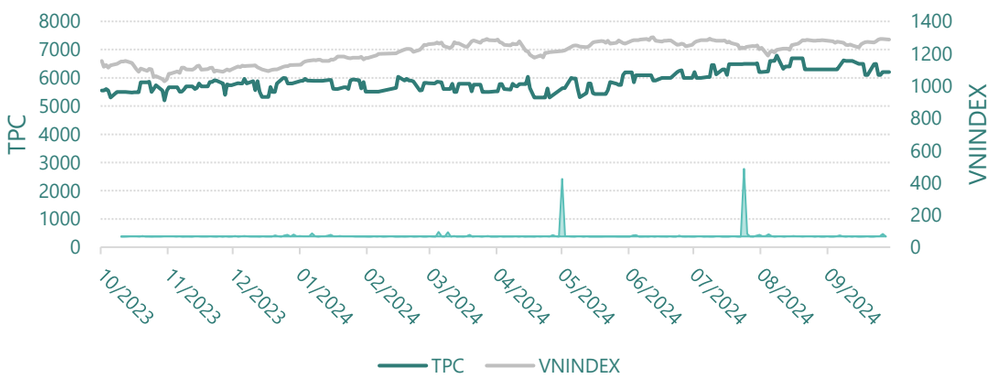
LN sau thuế
9T 2024
6.80
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.8| 113%

Cơ cấu sở hữu

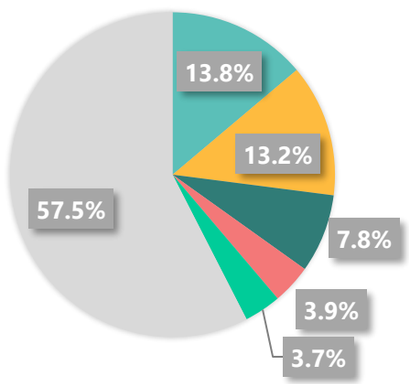


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

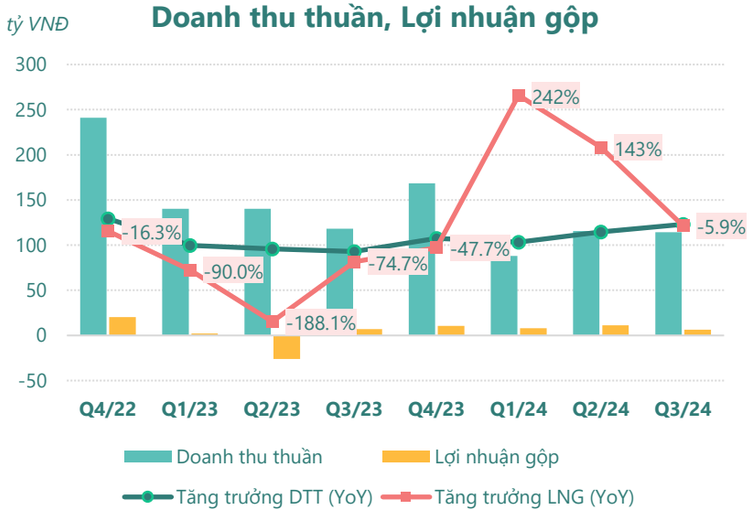


- Lê Thị Mỹ Hạnh
- Phạm Trung Cang (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Nhựa Tân Đại Hưng
- Đỗ Thị Quế Thanh
- Phạm Đỗ Diễm Hương (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

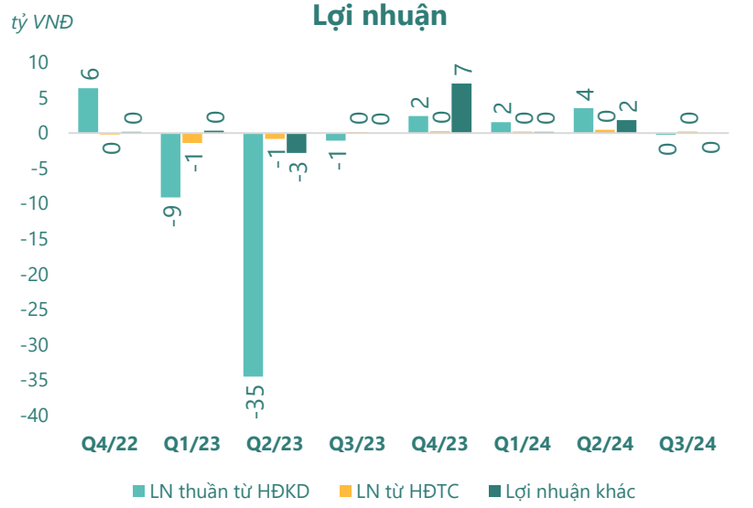
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



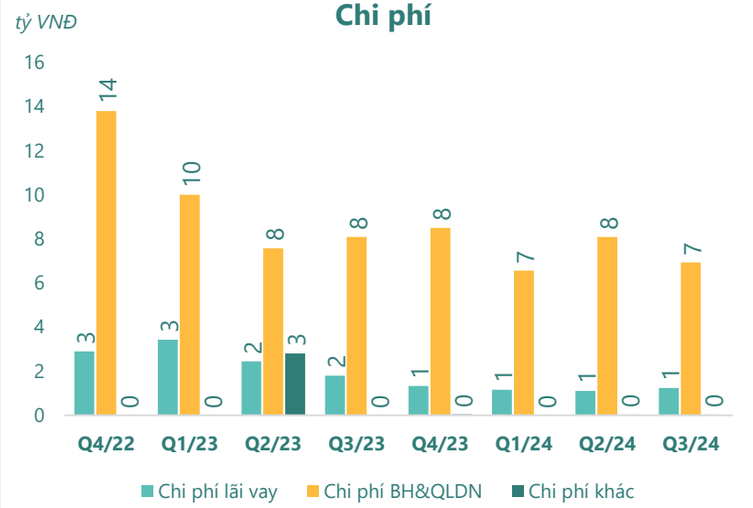
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



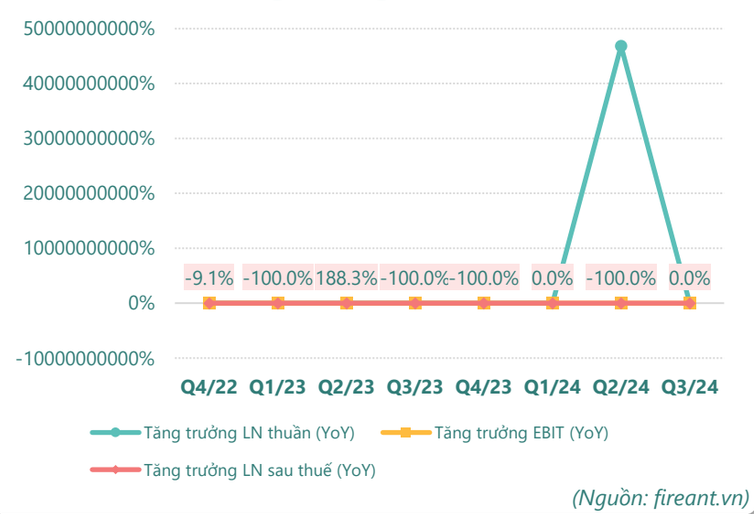
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



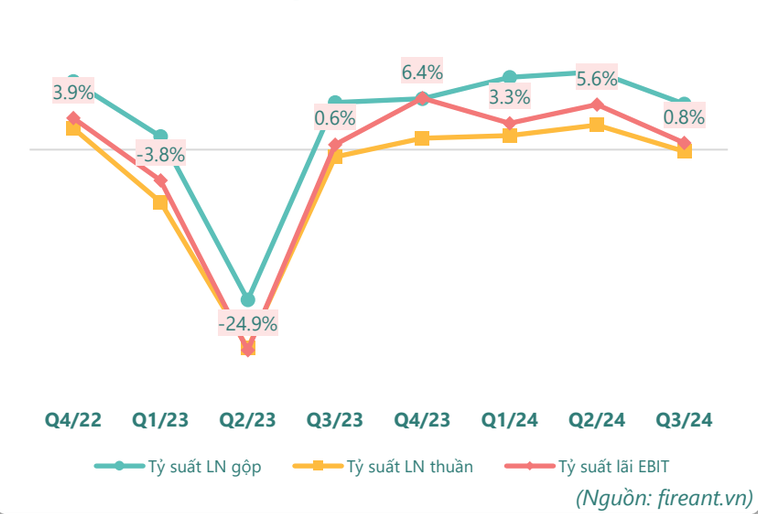
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



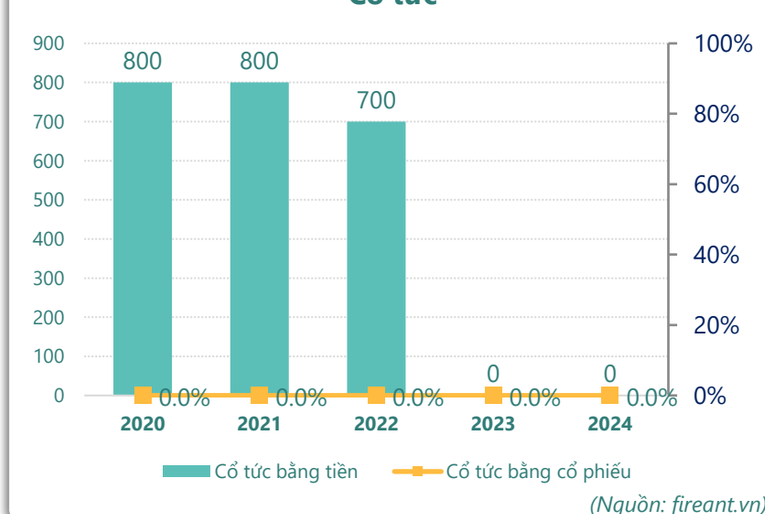
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

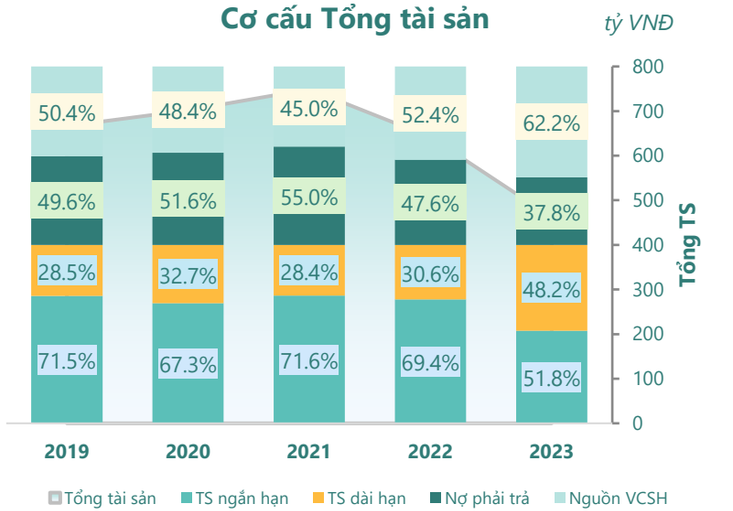
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

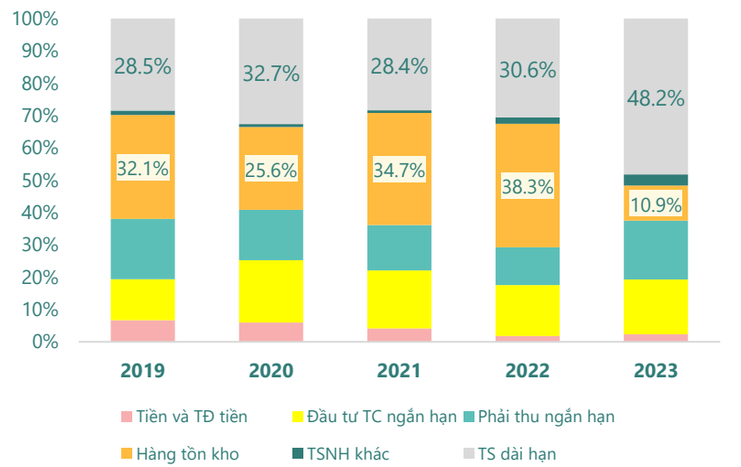
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



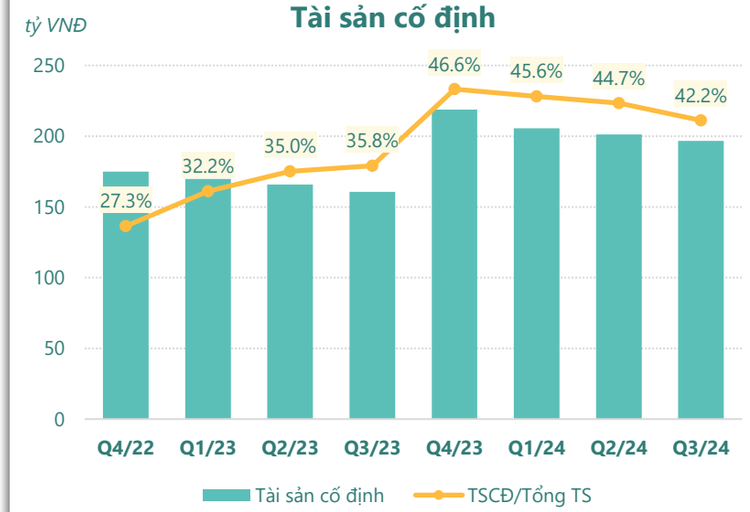
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



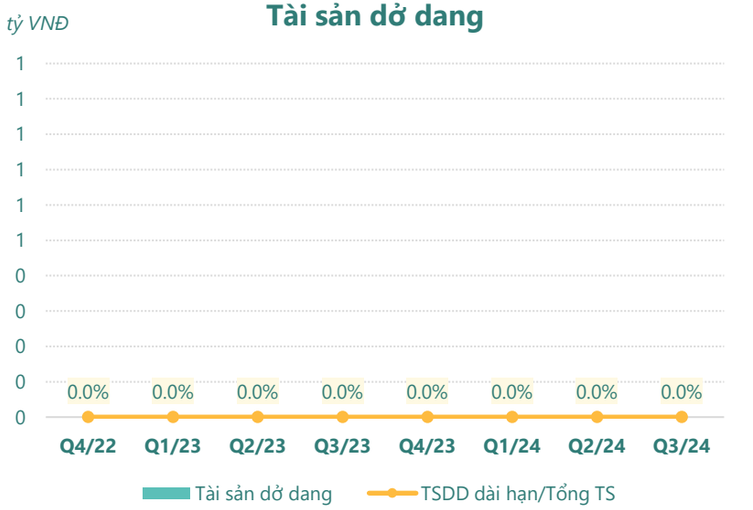
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



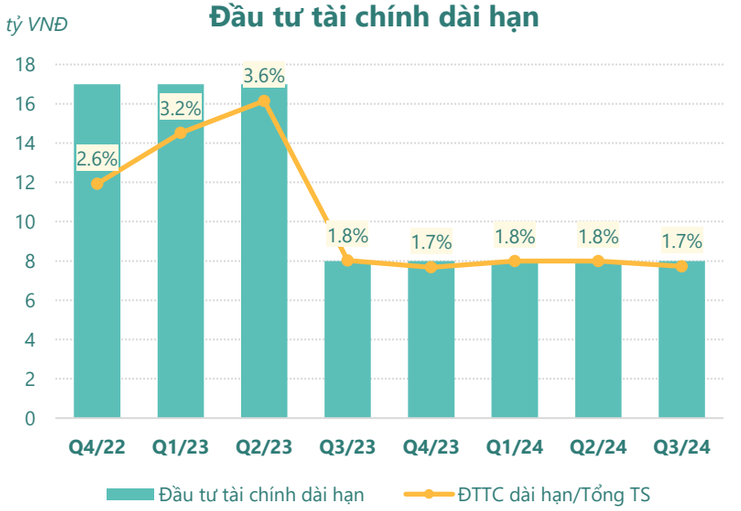
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



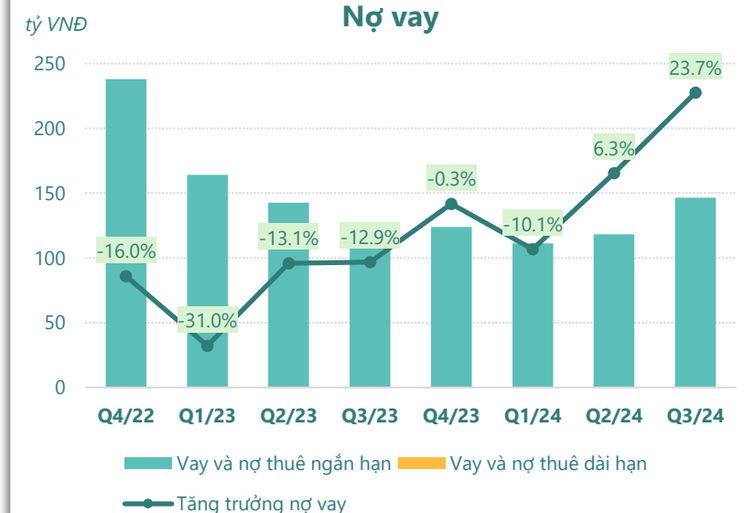
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

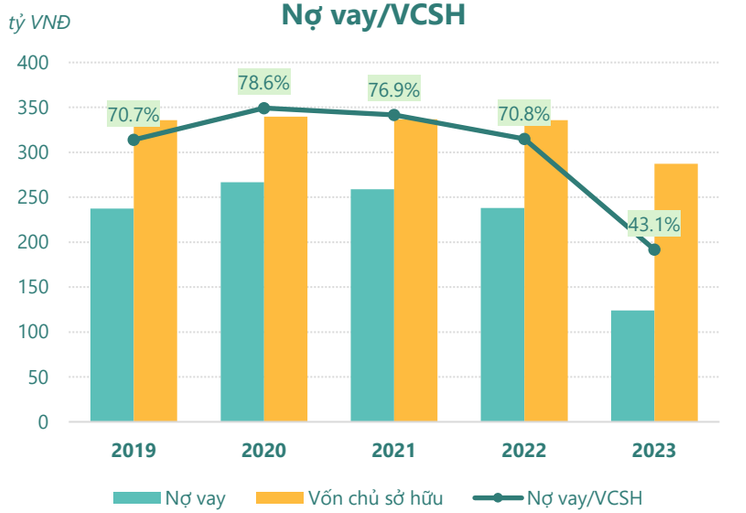
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



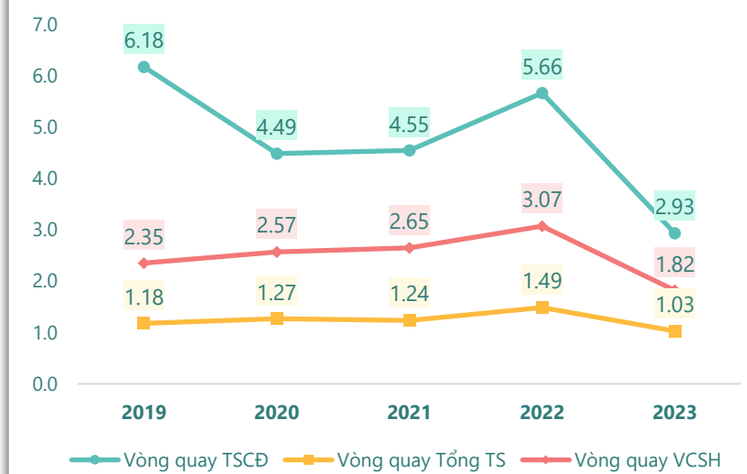
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



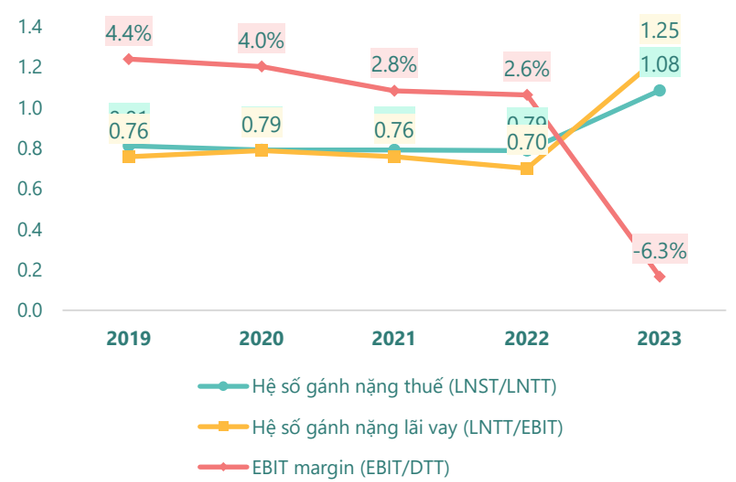
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



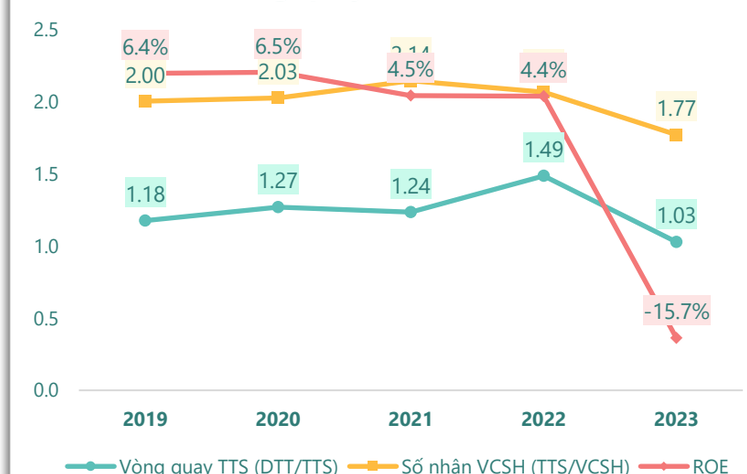
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



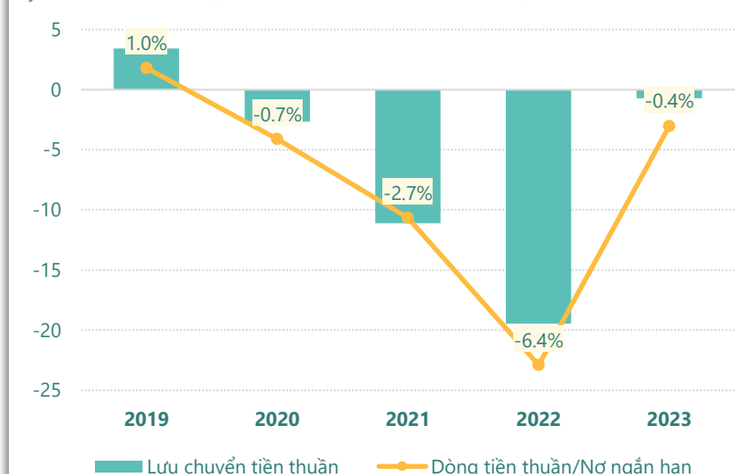
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**114**	**118**	**-3.1%**	**318**	**399**	**-20.3%**
Giá vốn hàng bán	108	111	-2.8%	292	416	-29.7%
Lợi nhuận gộp	6.49	6.90	-6.0%	25.5	-16.9	251%
Doanh thu HĐTC	1.62	2.17	-25.5%	4.56	6.14	-25.8%
Chi phí TC	1.42	2.04	-30.3%	3.69	8.24	-55.2%
Chi phí lãi vay	1.23	1.80	-31.6%	3.49	7.68	-54.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.38	3.87	-12.6%	10.5	11.0	-4.7%
Chi phí QLDN	**3.55**	**4.21**	**-15.7%**	**11.1**	**14.6**	**-24.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.25	-1.06	76.6%	4.81	-44.7	111%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**0.00**		**1.99**	**-2.48**	**180%**
LN trước thuế	-0.27	-1.06	74.1%	6.80	-47.2	114%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.27**	**-1.06**	**74.1%**	**6.80**	**-51.0**	**113%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.27**	**-1.06**	**74.1%**	**6.80**	**-51.0**	**113%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.9	14.0	23.4	7.71	10.3	6.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.23	3.17	-27.2	0.66	-7.44	-45.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.4	-18.7	0.00	-12.8	7.06	28.3
Tiền đầu kỳ	12.0	12.4	10.8	11.0	6.51	16.5
Lưu chuyển tiền thuần	**0.27**	**-1.56**	**-3.78**	**-4.46**	**9.88**	**-10.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.10	0	-0.04	-0.01	0.08	0
Tiền cuối kỳ	12.4	10.8	6.98	6.51	16.5	6.17

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**466**	**462**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	259	239	8.2%
Tiền và tương đương tiền	6.17	11.0	-43.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127	78.0	62.4%
Phải thu ngắn hạn	59.3	84.1	-29.5%
Hàng tồn kho	52.0	50.1	3.8%
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	16.2	-8.5%
Tài sản dài hạn	**207**	**223**	**-7.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	197	212	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.00	8.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.02**	**2.92**	**-30.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	172	175	-1.8%
Nợ ngắn hạn	**172**	**175**	**-1.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	146	124	18.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	36.3	-70.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**287**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**287**	**2.4%**
Vốn điều lệ	244	244	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)